

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 39 CHƯA NỘP HỌC PHÍ
Học kỳ I năm học 2015-2016

TT	MSV	Họ và tên		Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ	Học Lại	Cải Thiện	Thành tiền	Tiền Học Lại	Tiền Học Cải Thiện	Tổng tiền	Tổng tiền đã nộp	Chênh lệch	Ghi chú
1	390422	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	2,240,000	(160,000)	Chưa nộp
2	390713	Bùi Thị	Thúy	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	2,540,000	(20,000)	Chưa nộp
3	392014	Bàn Trung	Kiên	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	1,120,000	(1,440,000)	Chưa nộp
4	390239	Ma Seo	Kí	BT	14.00	0.00	0.00	2240000.00	0.00	0.00	2,240,000	1,320,000	(920,000)	Chưa nộp
5	392039	Trần ánh	Tuyết	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	2,240,000	(320,000)	Chưa nộp
6	390641	Đặng Thị Phương	Anh	BT	16.00	1.00	0.00	2560000.00	160000.00	0.00	2,720,000	2,560,000	(160,000)	Chưa nộp
7	391368	Lê Thu	Trang	BT	14.00	4.00	0.00	2240000.00	640000.00	0.00	2,880,000	2,720,000	(160,000)	Chưa nộp
8	392150	Lê Xuân Việt	Anh	CLC39	18.00	5.00	0.00	14040000.00	3900000.00	0.00	17,940,000	14,040,000	(3,900,000)	Chưa nộp
9	390140	Phạm Phương	Thảo	BT	14.00	0.00	0.00	2240000.00	0.00	0.00	2,240,000	-	(2,240,000)	Chưa nộp
10	390142	Phạm Thị Phương	Dung	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	-	(2,560,000)	Chưa nộp
11	390163	Hoàng Thủy	Tiên	BT	14.00	0.00	5.00	2240000.00	0.00	800000.00	3,040,000	-	(3,040,000)	NHAM TK
12	390210	Phan Văn	Anh	BT	14.00	0.00	0.00	2240000.00	0.00	0.00	2,240,000	-	(2,240,000)	Chưa nộp
13	390216	Cần Thị Thúy	Nga	BT	9.00	0.00	0.00	1440000.00	0.00	0.00	1,440,000	-	(1,440,000)	Chưa nộp
14	390233	Hoàng Thị	Phúc	BT	11.00	0.00	0.00	1760000.00	0.00	0.00	1,760,000	-	(1,760,000)	Chưa nộp
15	390236	Tô Đỗ Huy	Hoàng	MHP	14.00	5.00	0.00	0.00	800000.00	0.00	800,000	-	(800,000)	Chưa nộp
16	390274	Triệu Viết	Cường	BT	9.00	0.00	0.00	1440000.00	0.00	0.00	1,440,000	-	(1,440,000)	Chưa nộp
17	390310	Nguyễn Thủy	Linh	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	-	(2,400,000)	NHAM TK
18	390505	Đặng Thị	Tinh	BT	13.00	0.00	0.00	2080000.00	0.00	0.00	2,080,000	-	(2,080,000)	Chưa nộp
19	390571	Thắm Thị	Mến	BT	9.00	0.00	0.00	1440000.00	0.00	0.00	1,440,000	-	(1,440,000)	Chưa nộp
20	390606	Nguyễn Phạm Minh	Trang	BT	9.00	0.00	0.00	1440000.00	0.00	0.00	1,440,000	-	(1,440,000)	Chưa nộp
21	390671	Giảng Thị Nhật	Lệ	CT	11.00	5.00	0.00	0.00	800000.00	0.00	800,000	-	(800,000)	Chưa nộp
22	390725	Phạm Thị	Dịu	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	-	(2,560,000)	Chưa nộp
23	390837	Triệu Thị	Triển	BT	17.00	0.00	0.00	2720000.00	0.00	0.00	2,720,000	-	(2,720,000)	Chưa nộp
24	390916	Nguyễn Thị	Oanh	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	-	(2,400,000)	Chưa nộp
25	390941	Hàn Đức	Trung	MHP	17.00	5.00	0.00	0.00	800000.00	0.00	800,000	-	(800,000)	Chưa nộp
26	390958	Lữ Đình Thu	Thủy	BT	16.00	0.00	0.00	2560000.00	0.00	0.00	2,560,000	-	(2,560,000)	Chưa nộp
27	390966	Nguyễn Hoàng	Nam	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	-	(2,400,000)	Chưa nộp
28	390969	Và A	Chả	CT	13.00	9.00	0.00	0.00	1440000.00	0.00	1,440,000	-	(1,440,000)	Chưa nộp

29	390974	Pờ Cố	Thom	CT	15.00	3.00	0.00	0.00	480000.00	0.00	480,000	-	(480,000)	Chưa nộp
30	391010	Dương Thị Thanh	Hương	BT	14.00	0.00	0.00	2240000.00	0.00	0.00	2,240,000	-	(2,240,000)	Chưa nộp
31	391235	Liều Thành	Nam	BT	16.00	5.00	0.00	2560000.00	800000.00	0.00	3,360,000	-	(3,360,000)	Chưa nộp
32	391245	Nguyễn Thị Phương	Thảo	BT	19.00	0.00	0.00	3040000.00	0.00	0.00	3,040,000	-	(3,040,000)	Chưa nộp
33	391269	Đinh Thị Thu	Hà	CT	14.00	1.00	0.00	0.00	160000.00	0.00	160,000	-	(160,000)	Chưa nộp
34	391370	Nguyễn Minh	Ngọc	CT	17.00	5.00	0.00	0.00	800000.00	0.00	800,000	-	(800,000)	Chưa nộp
35	391373	Bùi Văn	Thái	YCXH		0.00	5.00		0.00	1800000.00	8,280,000	-	(8,280,000)	Chưa nộp
37	391417	Lê Thị	Duyên	BT	17.00	4.00	0.00	2720000.00	640000.00	0.00	3,360,000	-	(3,360,000)	Chưa nộp
38	391439	Trần Thị Hạnh	Ngân	BT	16.00	6.00	0.00	2560000.00	960000.00	0.00	3,520,000	-	(3,520,000)	Chưa nộp
39	391473	Nguyễn Nam	Son	YCXH	18.00	0.00	0.00	6480000.00	0.00	0.00	6,480,000	-	(6,480,000)	Chưa nộp
40	391474	Nguyễn Văn	Tài	YCXH	19.00	0.00	0.00	6840000.00	0.00	0.00	6,840,000	-	(6,840,000)	Chưa nộp
41	391572	Hà Văn	Trụ	CT	14.00	5.00	0.00	0.00	800000.00	0.00	800,000	-	(800,000)	Chưa nộp
42	391574	Lê Thành	Phương	YCXH		4.00	0.00		1440000.00	0.00	7,200,000	-	(7,200,000)	Chưa nộp
44	391576	Đỗ Thành	Thắng	YCXH		5.00	0.00		1800000.00	0.00	7,920,000	-	(7,920,000)	Chưa nộp
45	391653	Nguyễn Thị Thủy	Anh	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	-	(2,400,000)	Chưa nộp
46	391660	Phạm Thị Hồng	Anh	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
53	391949	Phạm Thị Trà	Giang	BT	18.00	0.00	0.00	2880000.00	0.00	0.00	2,880,000	-	(2,880,000)	Chưa nộp
54	392026	Đinh Thị Mai	Anh	BT	20.00	0.00	0.00	3200000.00	0.00	0.00	3,200,000	-	(3,200,000)	Chưa nộp
55	392033	Phùng Thị	Thoan	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
56	392260	Nguyễn Đức	Trung	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
57	392262	Trần Thị Hương	Giang	BT	15.00	0.00	0.00	2400000.00	0.00	0.00	2,400,000	-	(2,400,000)	Chưa nộp
58	392522	Nguyễn Thị	Thảo	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
59	392744	Trương Ngọc	Hoa	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
60	392770	Lê Thị Hải	Yến	YCXH	12.00	0.00	0.00	4320000.00	0.00	0.00	4,320,000	-	(4,320,000)	Chưa nộp
61	392868	Phạm Phương	Anh	YCXH	12.00	0.00	0.00	4320000.00	0.00	0.00	4,320,000	-	(4,320,000)	Chưa nộp
62	392871	Văn Ngọc	Chinh	BT	12.00	0.00	0.00	1920000.00	0.00	0.00	1,920,000	-	(1,920,000)	Chưa nộp
63	392874	Đinh Thủy	Hiền	BT	12.00	5.00	0.00	1920000.00	800000.00	0.00	2,720,000	-	(2,720,000)	Chưa nộp
64	392947	Đào Minh	Ngọc	BT	17.00	0.00	0.00	2720000.00	0.00	0.00	2,720,000	-	(2,720,000)	Chưa nộp
66	393129	Dương Thị	My	BT	18.00	0.00	0.00	2880000.00	0.00	0.00	2,880,000	-	(2,880,000)	Chưa nộp
67	393150	Nông Trà	Giang	BT	18.00	0.00	0.00	2880000.00	0.00	0.00	2,880,000	-	(2,880,000)	Chưa nộp
68	393159	Dương Tôn	Trọng	BT	18.00	0.00	0.00	2880000.00	0.00	0.00	2,880,000	-	(2,880,000)	Chưa nộp
69	393162	Phạm Quế Hà	Vi	BT	18.00	0.00	0.00	2880000.00	0.00	0.00	2,880,000	-	(2,880,000)	HET HAN